

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

HÔNG TY CỔ PHẦN MỸ THUẬT VÀ TRUYỀN THÔNG

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

(đã được soát xét)



WE ARE AN INDEPENDENT MEMBER OF
THE GLOBAL ADVISORY
AND ACCOUNTING NETWORK

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ THUẬT VÀ TRUYỀN THÔNG

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

(đã được soát xét)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04 - 05
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	06 - 38
Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	09
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 38

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0103019582 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là Sở Tài Chính) TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 14 tháng 09 năm 2007, đăng ký thay đổi gần nhất lần thứ mười tám, số 0102365521 ngày 14 tháng 05 năm 2026.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 12A, Tòa nhà Diamond Flower, đường Lê Văn Lương, phường Yên Hoà, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị:

Ông: Đặng Viết Mạnh	Chủ tịch
Ông: Đinh Gia Lê	Thành viên
Ông: Phạm Văn Thắng	Thành viên
Bà: Nguyễn Bích La	Thành viên
Ông: Phạm Huy Phong	Thành viên HĐQT độc lập

Ban Tổng Giám đốc:

Ông: Phạm Văn Thắng	Tổng Giám đốc
Bà: Nguyễn Bích La	Phó Tổng Giám đốc
Bà: Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông: Kiều Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc

(Bổ nhiệm ngày 05 tháng 02 năm 2026)

Ban kiểm soát:

Bà: Nguyễn Thị Thu Hồng	Trưởng ban
Bà: Trần Thị Thu Hương	Thành viên
Ông: Vũ Đức Tính	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này là ông Phạm Văn Thắng - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Chúng tôi - Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, chúng tôi cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Chúng tôi đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2026, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Chúng tôi cam kết rằng Công ty chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.



Phạm Văn Thắng

Người đại diện theo pháp luật

Phê duyệt, ngày 14 tháng 08 năm 2026

Số: 140826.032/BCTC.KT7

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông được lập ngày 14 tháng 08 năm 2026, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Nguyễn Ngọc Lân

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 1427-2023-002-1

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		143.673.615.582	161.656.557.109
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		9.879.496.164	8.856.105.457
111	1. Tiền	03	9.879.496.164	8.856.105.457
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	39.069.367.123	58.922.213.699
121	1. Chứng khoán kinh doanh		440.000.000	440.000.000
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn		38.629.367.123	58.482.213.699
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		29.492.458.181	46.782.737.495
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	27.777.017.532	44.377.432.560
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	683.266.203	690.192.701
135	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	3.076.264.637	3.124.784.600
136	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(2.044.090.191)	(1.409.672.366)
140	IV. Hàng tồn kho	09	60.682.698.437	44.318.214.879
141	1. Hàng tồn kho		63.099.948.873	47.258.071.635
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(2.417.250.436)	(2.939.856.756)
160	V. Tài sản ngắn hạn khác		4.549.595.677	2.777.285.579
161	1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	13	4.549.595.677	2.777.285.579
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		29.378.686.752	30.485.920.127
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		4.134.245.940	4.418.425.200
215	1. Phải thu dài hạn khác	07	4.134.245.940	4.418.425.200
220	II. Tài sản cố định		18.556.434.577	18.092.044.784
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	16.920.301.947	16.070.025.701
222	- Nguyên giá		32.843.068.447	35.151.141.462
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(15.922.766.500)	(19.081.115.761)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	1.636.132.630	2.022.019.083
228	- Nguyên giá		4.440.823.277	5.082.197.277
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.804.690.647)	(3.060.178.194)
250	III. Tài sản dở dang dài hạn	10	200.000.000	200.000.000
252	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		200.000.000	200.000.000
270	IV. Tài sản dài hạn khác		6.488.006.235	7.775.450.143
271	1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	13	6.488.006.235	7.775.450.143
280	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		173.052.302.334	192.142.477.236

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		92.431.132.933	106.650.176.872
310	1. Nợ ngắn hạn		92.431.132.933	106.650.176.872
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	66.539.969.181	62.791.620.059
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	136.546.075	408.572.612
313	3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	16	67.413.900	54.316.725
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	17	1.303.013.862	6.458.445.403
315	5. Phải trả người lao động		13.071.083.668	27.184.017.969
316	6. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	268.000.000	-
320	7. Phải trả ngắn hạn khác	19	2.567.031.508	3.149.768.194
323	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		8.478.074.739	6.603.435.910
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	20	80.621.169.401	85.492.300.364
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		39.779.360.000	39.779.360.000
411a	Cổ đông phổ thông có quyền biểu quyết		39.779.360.000	39.779.360.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		33.629.178.981	33.629.178.981
420	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		7.212.630.420	12.083.761.383
420a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		3.902.918.554	1.014.067.238
420b	LNST chưa phân phối kỳ này		3.309.711.866	11.069.694.145
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		173.052.302.334	192.142.477.236

Người lập

Hà Huy Tuấn

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Quyết

Phê duyệt, ngày 14 tháng 08 năm 2026

Người đại diện theo pháp luật



Phạm Văn Thắng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	130.467.445.608	124.080.316.704
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		130.467.445.608	124.080.316.704
11	4. Giá vốn hàng bán	23	77.441.819.174	77.657.258.481
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		53.025.626.434	46.423.058.223
22	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	2.119.172.721	1.874.442.864
23	7. Chi phí tài chính	25	189.095.650	97.776.570
25	8. Chi phí bán hàng	26	43.134.867.036	37.755.352.398
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	7.152.698.259	6.556.171.069
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		4.668.138.210	3.888.201.050
31	11. Thu nhập khác	28	36.490.965	23.606.326
32	12. Chi phí khác	29	503.354.871	78.176.958
40	13. Lợi nhuận khác		(466.863.906)	(54.570.632)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		4.201.274.304	3.833.630.418
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	891.562.438	809.692.823
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>3.309.711.866</u>	<u>3.023.937.595</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	832	760

Người lập



Hà Huy Tuấn

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Quyết

Phê duyệt, ngày 14 tháng 08 năm 2026

Người đại diện theo pháp luật



Phạm Văn Thắng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		4.201.274.304	3.833.630.418
	2. Điều chỉnh cho các khoản		(236.817.964)	130.349.243
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		846.063.052	1.061.259.751
03	- Các khoản dự phòng		111.811.505	399.410.583
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính		(1.194.692.521)	(1.330.321.091)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		3.964.456.340	3.963.979.661
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		16.940.040.749	13.584.731.672
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(15.841.877.238)	(13.263.569.043)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(14.048.303.231)	(14.476.738.284)
12	- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ		(484.866.190)	(5.798.105.531)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		-	310.000.000
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.950.039.150)	(3.680.000.000)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(339.300.000)	(407.821.844)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(12.759.888.720)	(19.767.523.369)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1.839.110.350)	(1.957.332.272)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		66.018.519	(36.502.978)
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(23.000.000.000)	(21.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		43.000.000.000	38.000.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.510.178.083	764.656.875
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		19.737.086.252	15.770.821.625
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(5.953.806.825)	(5.936.541.525)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(5.953.806.825)	(5.936.541.525)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		1.023.390.707	(9.933.243.269)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		8.856.105.457	20.033.609.652
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	03	9.879.496.164	10.100.366.383

Người lập



Hà Huy Tuấn

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Quyết

Phê duyệt ngày 14 tháng 08 năm 2026

Người đại diện theo pháp luật




Phạm Văn Thắng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0103019582 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là Sở Tài Chính) TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 14 tháng 09 năm 2007, đăng ký thay đổi gần nhất lần thứ mười tám, số 0102365521 ngày 14 tháng 05 năm 2026.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 12A, Tòa nhà Diamond Flower, đường Lê Văn Lương, phường Yên Hoà, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 39.779.360.000 VND; tương đương 3.977.936 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 là: 248 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2026 là: 285 người).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Xuất bản, in ấn và phát hành sách giáo dục, sách tham khảo và sản phẩm truyền thông.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Xuất bản, phát hành các sản phẩm giáo dục;
- Thiết kế, chế bản in các ấn phẩm phục vụ ngành giáo dục;
- Sản xuất tem chống giả;
- Kinh doanh sách - Thiết bị, đồ dùng dạy học;
- Truyền thông, tổ chức hội chợ, triển lãm, giới thiệu các sản phẩm thương mại.

1.4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong 6 tháng đầu năm 2026, Công ty đẩy mạnh phát triển các kênh bán hàng thương mại điện tử và gia tăng mảng kinh doanh thiết kế chế bản dẫn đến doanh thu tăng 6,4 tỷ tương ứng 5,15% so với cùng kỳ năm trước; cùng với đó trong kỳ, Công ty thực hiện hoàn nhập dự phòng hàng tồn kho khiến cho giá vốn giảm tương ứng. Các nguyên nhân trên dẫn đến lãi gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ kỳ này tăng 6,6 tỷ VND tương ứng tăng 14,2% so với cùng kỳ năm trước.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các cửa hàng bán lẻ sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Trung tâm Sách Thiết bị Giáo dục ADCBook Mỹ Đình	Tầng 1 Khu Thương mại - Nhà CT1A - ĐN2 khu đô thị Mỹ Đình II, phường Từ Liêm, Tp. Hà Nội	Bán lẻ các sản phẩm sách, văn phòng phẩm và thiết bị giáo dục
Trung tâm Sách Thiết bị Giáo dục ADCBook Hoàng Quốc Việt	Số 387 Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, Tp. Hà Nội	Bán lẻ các sản phẩm sách, văn phòng phẩm và thiết bị giáo dục
Trung tâm Sách - Thiết bị Giáo dục ADCBook Xuân La	Số 75B đường Xuân La, phường Tây Hồ, Tp. Hà Nội	Bán lẻ các sản phẩm sách, văn phòng phẩm và thiết bị giáo dục
Trung tâm Sách Thiết bị Giáo dục ADCBook Times City	T03 SO01 tầng 01 tòa nhà T03 khu đô thị Times số 458 đường Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, Tp. Hà Nội	Bán lẻ các sản phẩm sách, văn phòng phẩm và thiết bị giáo dục

Công ty có các cửa hàng bán lẻ sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Trung tâm Sách Thiết bị Giáo dục ADCBook Ngô Thì Nhậm	Sân Thương mại văn phòng tầng 1 tòa nhà CT1, khu chung cư Ngô Thì Nhậm, phường Hà Đông, Tp. Hà Nội	Bán lẻ các sản phẩm sách, văn phòng phẩm và thiết bị giáo dục
Trung tâm Sách - Thiết bị Giáo dục ADCBook Trần Phú	Số 129 Trần Phú, phường Hà Đông, Tp. Hà Nội	Bán lẻ các sản phẩm sách, văn phòng phẩm và thiết bị giáo dục
Trung tâm Sách - Thiết bị Giáo dục ADCBook Hoàng Đạo Thúy	Tầng 1 của Văn phòng 2, tòa nhà 17 T2 - T3, Khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính, đường Hoàng Đạo Thúy, phường Yên Hòa, Tp. Hà Nội	Bán lẻ các sản phẩm sách, văn phòng phẩm và thiết bị giáo dục
Trung tâm Sách Thiết bị Giáo dục ADCBook Trần Đại Nghĩa	Số 75A Trần Đại Nghĩa, phường Bạch Mai, Tp. Hà Nội	Bán lẻ các sản phẩm sách, văn phòng phẩm và thiết bị giáo dục
Trung tâm Sách - Thiết bị Giáo dục ADCBook Linh Đàm	Tầng 1 nhà CT4A, Khu đô thị Bắc Linh Đàm, phường Định Công, Tp. Hà Nội	Bán lẻ các sản phẩm sách, văn phòng phẩm và thiết bị giáo dục
Trung tâm Sách - Thiết bị Giáo dục ADCBook Tây Linh Đàm	Tầng 1 nhà CT4A, Khu đô thị Bắc Linh Đàm, phường Định Công, Tp. Hà Nội	Bán lẻ các sản phẩm sách, văn phòng phẩm và thiết bị giáo dục
Trung tâm Sách - Thiết bị Giáo dục ADCBook Nguyễn Đức Cảnh	35 Nguyễn Đức Cảnh, Lê Chân, Hải Phòng	Bán lẻ các sản phẩm sách, văn phòng phẩm và thiết bị giáo dục
Trung tâm Sách - Thiết bị Giáo dục ADCBook Thành Thái	Tầng 1, Shophouse 9, Tòa nhà The Park Home, Lô N02 ô D12, KĐT mới Cầu Giấy, phố Thành Thái, phường Cầu Giấy, Tp. Hà Nội	Bán lẻ các sản phẩm sách, văn phòng phẩm và thiết bị giáo dục
ADC Storage	Khu D số 103 đường Vạn Phúc, phường Hà Đông, Tp. Hà Nội	Bán lẻ các sản phẩm sách, văn phòng phẩm và thiết bị giáo dục

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Ngày 27/10/2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC, có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026.

Công ty đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư số 99/2025/TT-BTC từ ngày 01 tháng 01 năm 2026. Thông tư cũng thể hiện những thay đổi trong cách trình bày một số khoản mục trong báo cáo tài chính. Số liệu so sánh được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày của kỳ hiện tại. Chi tiết về việc phân loại lại các số liệu so sánh được trình bày tại Thuyết minh 36, Phụ lục - Thông tin so sánh của Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

2.4. Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2.5. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Ước tính phân bổ chi phí chờ phân bổ;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.6. Công cụ tài chính***Ghi nhận ban đầu*****Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính không đưa ra hướng dẫn cụ thể cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.7. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.8. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác hoặc có bản chất tương tự và không bao gồm công cụ phái sinh.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: Căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: Căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.9. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.10. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị xuất hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu phát sinh các khoản chi phí sau ghi nhận ban đầu mà làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 07 năm
- Phương tiện vận tải	03 - 05 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	02 - 05 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

2.12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.13. Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.14. Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ là các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán, phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí chờ phân bổ dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh của từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí chờ phân bổ của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 năm đến 03 năm.
- Chi phí thuê mặt bằng hệ thống các cửa hàng ADCBook được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 tháng đến 36 tháng tùy theo kỳ thanh toán tiền thuê được quy định cụ thể theo từng Hợp đồng.
- Chi phí chờ phân bổ khác được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 năm đến 03 năm.

2.15. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.16. Các khoản phải trả cổ tức, lợi nhuận

Các khoản phải trả cổ tức, lợi nhuận (bằng tiền, các tài sản phi tiền tệ) được ghi nhận khi doanh nghiệp không có quyền từ chối nghĩa vụ chi trả cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, thành viên góp vốn của Công ty theo quy định của pháp luật liên quan.

Thời điểm ghi nhận là thời điểm bên nhận đầu tư không có quyền từ chối chi trả cổ tức: Sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.17. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

2.18. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn.

Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.19. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ và, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

2.20. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là:

- Chiết khấu thanh toán cho người mua.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.21. Bán, thanh lý tài sản cố định, bất động sản đầu tư

Thu nhập từ bán, thanh lý tài sản cố định, bất động sản đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh từ việc bán thanh lý tài sản cố định, bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa doanh thu với chi phí liên quan trực tiếp đến việc bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư và giá trị còn lại của tài sản cố định, bất động sản đầu tư. Số lãi hoặc lỗ này được trình bày theo số thuần trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

2.22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

2.23. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

2.24. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các tổ chức trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các tổ chức do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này;
- Các tổ chức, cá nhân khác được xác định là bên liên quan theo quy định của pháp luật hiện hành.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.25. Thông tin bộ phận

Do Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xuất bản sách, các ấn phẩm giáo dục và diễn ra chủ yếu trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3. TIỀN

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
Tiền mặt	1.067.758.710	92.401.187
Tiền gửi không kỳ hạn	8.811.737.454	8.763.704.270
	9.879.496.164	8.856.105.457

Thông tin chi tiết về các khoản tiền gửi không kỳ hạn tại ngày 30/06/2026 như sau:

	Loại tiền	Giá trị VND
Tiền gửi không kỳ hạn		
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	VND	2.854.125.811
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam	VND	2.478.006.334
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	VND	1.787.071.035
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Tây Thăng Long	VND	1.270.156.004
- Các ngân hàng khác	VND	422.378.270
		8.811.737.454

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá trị dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Tiền gửi có kỳ hạn	38.629.367.123	38.629.367.123	-	58.482.213.699
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	10.029.219.178	10.029.219.178	-	10.150.904.110
- Ngân hàng TMCP Á Châu	28.600.147.945	28.600.147.945	-	48.331.309.589
	38.629.367.123	38.629.367.123	-	58.482.213.699

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày 30/06/2026 như sau:

Tiền gửi có kỳ hạn

	Loại tiền	Kỳ hạn	Lãi suất năm	Giá trị VND
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	6 tháng	7,90%	10.029.219.178
- Ngân hàng TMCP Á Châu	VND	6 tháng - 12 tháng	5,6% - 8,3%	28.600.147.945
				38.629.367.123



b) Chứng khoán kinh doanh

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị dự phòng VND
Công ty Cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	440.000.000	-	440.000.000	-
	440.000.000	-	440.000.000	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội (Mã chứng khoán "EPH") đã hủy đăng ký giao dịch niêm yết theo Quyết định số 1966/TB-SGDHN ngày 08/05/2025 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Do vậy, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý tại ngày 30/06/2026 và 01/01/2026 của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND
Bên liên quan	5.231.009.803	(241.443.474)	3.057.918.203	(13.014.916)
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Cần Thơ	12.062.046	-	60.041.550	-
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bến Tre	15.449.880	(10.814.916)	15.449.880	(10.814.916)
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Thuận	867.100	-	133.594.750	-
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Định	3.730.248	-	8.575.188	-
- Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	853.519.101	(216.383.168)	785.748.946	-
- Công ty Cổ phần Học liệu	20.224.560	-	16.824.560	-
- Công ty Cổ phần Sách Thiết bị giáo dục Bình Dương	24.090.780	(12.045.390)	24.090.780	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	775.889.257	-	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	24.978.416	-	350.010.016	-
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học TP. Hồ Chí Minh	121.607.880	-	96.553.100	-
- Công ty Cổ phần dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	564.829.433	-	1.564.829.433	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển giáo dục Phương Nam	2.807.638.632	-	-	-
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Trung	3.922.470	-	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Trường Phổ thông Công nghệ giáo dục	2.200.000	(2.200.000)	2.200.000	(2.200.000)
Bên khác	22.546.007.729	(1.518.057.913)	41.319.514.357	(1.140.093.932)
- Công ty Cổ phần Giáo dục Bili Việt Nam	4.584.766.942	-	2.054.298.542	-
- Các khách hàng khác	17.961.240.787	(1.518.057.913)	39.265.215.815	(1.140.093.932)
	27.777.017.532	(1.759.501.387)	44.377.432.560	(1.153.108.848)

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND
Bên khác	426.702.685	(28.025.286)	433.629.183	-
- Công ty TNHH Bán lẻ Phương Nam	256.563.518	(256.563.518)	256.563.518	(256.563.518)
- Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Kinh doanh Toàn Cầu	-	-	169.090.200	-
- Công ty TNHH AnMac Việt Nam	-	-	72.351.900	-
- Công ty Cổ phần Toyota Thái Hòa Từ Liêm	171.314.280	-	-	-
- Trả trước cho người bán khác	255.388.405	(28.025.286)	192.187.083	-
	683.266.203	(284.588.804)	690.192.701	(256.563.518)

7. PHẢI THU KHÁC

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
- Tạm ứng	1.812.154.119	-	718.949.483	-
+ Lê Tuấn Anh	232.353.000	-	68.350.000	-
+ Lê Quang Thắng	520.000.000	-	40.000.000	-
+ Vũ Đức Tính (Bên liên quan)	200.000.000	-	30.000.000	-
- Ký cược, ký quỹ (*)	1.260.080.000	-	1.493.702.500	-
+ Công ty Cổ phần Thiết bị Thủy Lợi	155.881.000	-	155.881.000	-
+ Nguyễn Thị Tú Sinh	357.504.000	-	357.504.000	-
+ Công ty TNHH Vận hành Vincom Retail	316.077.500	-	-	-
+ Công ty Cổ phần Dịch vụ Quản lý Toà nhà Toàn Thắng	322.951.500	-	322.951.500	-
- Phải thu thuế TNCN nhân viên	-	-	666.307.644	-
- Phải thu BHXH	3.579.834	-	-	-
- Phải thu khác	450.684	-	245.824.973	-
	3.076.264.637	-	3.124.784.600	-
b) Dài hạn				
- Ký cược, ký quỹ (*)	4.134.245.940	-	4.418.425.200	-
+ Công ty TNHH Đầu tư Trường Giang	750.000.000	-	750.000.000	-
+ Lê Thị Oanh	1.560.000.000	-	1.560.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Giáo dục và Đào tạo GoodBook	429.000.000	-	429.000.000	-
	4.134.245.940	-	4.418.425.200	-

(*) Phản ánh các khoản Công ty đặt cọc tiền thuê địa điểm kinh doanh dịch vụ, mở các cửa hàng bán sách, thuê kho,... phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh của Công ty.

8. NỢ XẤU

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị gốc nợ	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị gốc nợ	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay, quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Phải thu khách hàng	1.891.605.499	132.104.112	1.818.629.999	665.521.151
+ Công ty Cổ phần phát hành sách TP Hồ Chí Minh - Fahasa	-	-	710.691.527	442.829.021
+ Cửa hàng Sách Thái Dương	208.658.930	-	208.658.930	-
+ Các đối tượng khác	1.682.946.569	132.104.112	899.279.542	222.692.130
- Trả trước cho người bán	284.588.804	-	256.563.518	-
+ Công ty TNHH Bán lẻ Phương Nam	256.563.518	-	256.563.518	-
+ Các đối tượng khác	28.025.286	-	-	-
	2.176.194.303	132.104.112	2.075.193.517	665.521.151

9. HÀNG TỒN KHO

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Nguyên liệu, vật liệu	1.432.174.102	-	993.436.342	-
- Sản phẩm (*)	22.775.464.708	(2.417.250.436)	16.439.924.186	(2.939.856.756)
- Hàng hóa	38.892.310.063	-	29.824.711.107	-
	63.099.948.873	(2.417.250.436)	47.258.071.635	(2.939.856.756)

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ: 632.187.622 VND

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Phần mềm Miniapp Zalo	200.000.000	200.000.000	200.000.000	200.000.000
	200.000.000	200.000.000	200.000.000	200.000.000

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	TSCĐ dùng trong quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	18.125.999.284	7.854.936.356	6.265.001.855	2.905.203.967	35.151.141.462
- Mua trong kỳ	-	-	1.695.252.869	33.231.481	1.728.484.350
- Thanh lý, nhượng bán	-	(4.036.557.365)	-	-	(4.036.557.365)
Số dư cuối kỳ	18.125.999.284	3.818.378.991	7.960.254.724	2.938.435.448	32.843.068.447
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	3.563.668.174	7.226.714.733	5.681.506.969	2.609.225.885	19.081.115.761
- Khấu hao trong kỳ	181.259.994	154.127.130	74.241.150	86.868.559	496.496.833
- Thanh lý, nhượng bán	-	(3.654.846.094)	-	-	(3.654.846.094)
Số dư cuối kỳ	3.744.928.168	3.725.995.769	5.755.748.119	2.696.094.444	15.922.766.500
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	14.562.331.110	628.221.623	583.494.886	295.978.082	16.070.025.701
Tại ngày cuối kỳ	14.381.071.116	92.383.222	2.204.506.605	242.341.004	16.920.301.947

- Chi tiết các tài sản cố định hữu hình chiếm tỷ trọng lớn tại thời điểm cuối kỳ như sau:

Tên tài sản	Tình trạng sử dụng	Nguyên giá VND	Giá trị hao mòn lũy kế VND	Giá trị còn lại VND
- Văn phòng Tòa nhà Diamond Flower Tower Tầng 12A	Đang sử dụng	18.125.999.284	3.744.928.168	14.381.071.116

- Chi tiết các tài sản cố định hữu hình đã thanh lý/ nhượng bán trong kỳ như sau:

Tên tài sản	Nguyên giá VND	Giá trị còn lại VND	Chi phí thanh lý VND	Thu nhập từ thanh lý nhượng bán VND
- Hệ thống máy in Tem	1.912.807.440	-	-	19.851.852
- Hệ thống Máy in tem Letterpress LINTEC LPM-300	1.778.749.925	381.711.271	-	46.166.667
- Máy cuộn cuộn YWR-350	105.000.000	-	-	-
- Máy dao cắt chia lõi cuộn giấy HHS-500	35.000.000	-	-	-
- Máy chia cuộn decal HJFQ-420	120.000.000	-	-	-
- Máy chụp rửa bản Flexo SBR450W	85.000.000	-	-	-
	4.036.557.365	381.711.271	-	66.018.519

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 13.889.353.785 VND

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Chương trình phần mềm VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	5.082.197.277	5.082.197.277
- Mua trong kỳ	110.626.000	110.626.000
- Thanh lý, nhượng bán	(752.000.000)	(752.000.000)
Số dư cuối kỳ	4.440.823.277	4.440.823.277
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	3.060.178.194	3.060.178.194
- Khấu hao trong kỳ	349.566.219	349.566.219
- Thanh lý, nhượng bán	(605.053.766)	(605.053.766)
Số dư cuối kỳ	2.804.690.647	2.804.690.647
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	2.022.019.083	2.022.019.083
Tại ngày cuối kỳ	1.636.132.630	1.636.132.630

Các tài sản cố định vô hình đã thanh lý trong kỳ như sau:

Tên tài sản	Nguyên giá VND	Giá trị còn lại VND	Chi phí thanh lý VND	Thu nhập từ thanh lý nhượng bán VND
Phần mềm quản lý tem QR	752.000.000	146.946.234	-	-

13. CHI PHÍ CHỜ PHÂN BỐ

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
a) Ngắn hạn		
- Chi phí thuê, sửa chữa cửa hàng	2.040.411.581	1.957.239.263
- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	277.501.329	354.067.351
- Phí quản lý xuất bản, phí bản quyền sách	1.931.095.884	114.683.330
- Các khoản khác	300.586.883	351.295.635
	4.549.595.677	2.777.285.579
b) Dài hạn		
- Chi phí thuê cửa hàng, kho, xưởng... chờ phân bổ	6.006.809.877	7.073.733.333
- Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	40.723.857	134.998.328
- Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	367.457.557	475.458.919
- Các khoản khác	73.014.944	91.259.563
	6.488.006.235	7.775.450.143

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
Bên liên quan	69.336.040	32.927.560
- Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	117.607.237	117.607.237
- Nhà xuất bản giáo dục tại Hà Nội	2.714.131.300	155.950.300
- Công ty cổ phần Tập đoàn ECI	22.427.800	22.427.800
- Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại TP. Hà Nội	986.306.918	1.054.456.356
- Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại TP. Đà Nẵng	74.265.000	74.265.000
- Công ty Cổ phần Sách Đại Học - dạy nghề	3.732.600	-
- Công ty Cổ phần Sách Dân tộc	29.484.560	23.056.400
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Bắc	65.004.640	28.727.560
- Viện nghiên cứu Sách và Học liệu Giáo dục	131.400	-
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Hà Tây	4.200.000	4.200.000
Bên khác	66.470.633.141	62.758.692.499
- Công ty TNHH MTV In Tiến Bộ	2.297.884.745	9.078.367.350
- Công ty Cổ phần In Bao bì Hà Tây	6.175.785.071	5.807.422.438
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Bình Tây	3.936.799.527	2.879.941.650
- Nhà xuất bản Kim Đồng	3.503.667.471	2.420.355.612
- Đối tượng khác	50.556.496.327	42.572.605.449
	66.539.969.181	62.791.620.059

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
Bên liên quan	807.617	3.055.017
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Điện Biên	807.237	3.054.637
- Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị trường học KonTum	380	380
Bên khác	135.738.458	405.517.595
- Nhà sách Trí Tuệ Lai Châu	-	43.703.725
- Hộ Kinh doanh Hoàng Mạnh Đông	-	34.747.200
- Hộ kinh doanh Phạm Thị Yên	-	22.280.587
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Lào Cai	32.949.538	-
- Các khách hàng khác	102.788.920	304.786.083
	136.546.075	408.572.612

16. PHẢI TRẢ VỀ CỔ TỨC, LỢI NHUẬN

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
- Phải trả về cổ tức, lợi nhuận năm 2025	13.097.175	-
- Phải trả về cổ tức, lợi nhuận các năm trước năm 2025 (*)	54.316.725	54.316.725
	67.413.900	54.316.725

(*) Khoản phải trả cổ tức trước năm 2025 Công ty đã thực hiện thông báo chi trả đến cổ đông theo quy định, tuy nhiên đến thời điểm hiện tại một số cổ đông chưa lưu ký chứng khoán chưa đến nhận. Công ty vẫn đang tiếp tục theo dõi và thực hiện chi trả khi cổ đông đến nhận theo quy định.

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC NGẮN HẠN

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	-	2.046.787.720	2.191.776.420	3.803.181.691	-	435.382.449
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.374.102.977	891.562.438	2.950.039.150	-	315.626.265
- Thuế thu nhập cá nhân	-	2.037.554.706	1.006.804.206	2.492.353.764	-	552.005.148
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	195.480.000	195.480.000	-	-
	-	6.458.445.403	4.285.623.064	9.441.054.605	-	1.303.013.862

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
- Trích trước chi phí thuê mặt bằng từ Hợp đồng HTKD (*)	268.000.000	-
	268.000.000	-

(*) Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông kí kết hợp đồng hợp tác kinh doanh số 003/HĐ2015/TNDV-EIYH với Công ty Cổ phần thương mại Bài Thơ ngày 22/09/2015 và kí bổ sung phụ lục số 08/MTTT-BT ngày 03/06/2024. Theo đó, hai bên thống nhất việc phân chia lợi nhuận/ chi trả chi phí sử dụng mặt bằng tại tầng 1 toà nhà CT4A, Khu đô thị Bắc Linh Đàm, phường Định Công, thành phố Hà Nội với tổng diện tích 260,4m2. Công ty phải chi trả chi phí sử dụng mặt bằng cho Công ty Cổ phần Thương mại Bài Thơ là 147.400.000 VNĐ/tháng (đã bao gồm 10% VAT).

19. PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
- Kinh phí công đoàn	1.630.044.673	1.668.567.585
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	2.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	936.986.835	1.479.200.609
	2.567.031.508	3.149.768.194

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu kỳ trước	39.779.360.000	29.440.596.237	13.961.942.478	83.181.898.715
Lãi trong kỳ trước	-	-	3.023.937.595	3.023.937.595
Phân phối lợi nhuận	-	4.188.582.744	(12.947.875.240)	(8.759.292.496)
Số dư cuối kỳ trước	39.779.360.000	33.629.178.981	4.038.004.833	77.446.543.814
Số dư đầu kỳ này	39.779.360.000	33.629.178.981	12.083.761.383	85.492.300.364
Lãi trong kỳ này	-	-	3.309.711.866	3.309.711.866
Phân phối lợi nhuận	-	-	(8.180.842.829)	(8.180.842.829)
Số dư cuối kỳ này	39.779.360.000	33.629.178.981	7.212.630.420	80.621.169.401

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2026/NQĐHCD-MTTT ngày 22 tháng 04 năm 2026, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2025 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế		8.180.842.829
Trích Quỹ khen thưởng	5%	553.484.707
Trích Quỹ Phúc lợi	10%	1.106.969.415
Trích Quỹ Điều hành của HĐQT, BKS	5%	553.484.707
Chi trả cổ tức (tương ứng mỗi cổ phần nhận 1.500 VND)	15%/mệnh giá	5.966.904.000

Ngày 11/02/2026, Công ty đã có công văn số 21/CV-MTTT về việc Thông báo chốt danh sách thực hiện quyền Đại hội cổ đông thường niên 2026 và Tạm ứng cổ tức năm 2025 bằng tiền. Theo đó, tỷ lệ thực hiện là 15% (1 cổ phiếu được nhận 1.500 đồng).

Ngày 06/05/2026, Công ty đã thực hiện tạm ứng cổ tức bằng tiền cho cổ đông.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ %	Đầu năm VND	Tỷ lệ %
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam	14.877.720.000	37,40	14.877.720.000	37,40
Lê Hoàng Hải	4.096.450.000	10,30	4.096.450.000	10,30
DENNIS PETER ERIC	3.179.250.000	7,99	3.179.250.000	7,99
Phạm Văn Thắng	2.812.440.000	7,07	2.812.440.000	7,07
Cổ đông khác	14.813.500.000	37,24	14.813.500.000	37,24
	39.779.360.000	100,00	39.779.360.000	100,00

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	39.779.360.000	39.779.360.000
- Vốn góp cuối kỳ	39.779.360.000	39.779.360.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	54.316.725	23.954.250
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong kỳ	5.966.904.000	5.966.904.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	5.966.904.000	5.966.904.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(5.953.806.825)	(5.936.541.525)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(5.953.806.825)	(5.936.541.525)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ	<u>67.413.900</u>	<u>54.316.725</u>

d) Cổ phiếu

	Cuối kỳ	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.977.936	3.977.936
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	3.977.936	3.977.936
- Cổ phiếu phổ thông	3.977.936	3.977.936
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.977.936	3.977.936
- Cổ phiếu phổ thông	3.977.936	3.977.936
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND):	10.000	10.000

e) Các quỹ của Công ty

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
- Quỹ đầu tư phát triển	33.629.178.981	33.629.178.981
	33.629.178.981	33.629.178.981

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản thuê ngoài

Công ty có các hợp đồng thuê mặt bằng như sau:

Vị trí thuê mặt bằng	Mục đích thuê	Diện tích (m2)	Thời hạn thuê	Phương thức thanh toán tiền thuê
Phường Yên Hoà, Thành phố Hà Nội theo HĐ và PLHĐ số 2509/2024/HĐTVP	Mở cửa hàng kinh doanh	360 m2	10 năm	Thanh toán 3 tháng/ 1 lần
Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội theo HĐ và PLHĐ số 03/2024/HĐKT-KIOT(C4)	Mở cửa hàng kinh doanh	200 m2	10 năm	Thanh toán 3 tháng/ 1 lần
Phường Định Công, Thành phố Hà Nội theo HĐ và PLHĐ số 003/HD2015/TNDV-E1YH	Mở cửa hàng kinh doanh	260,4 m2	11 năm	Thanh toán 3 tháng/ 1 lần
Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội theo HĐ và PLHĐ số 01/MTTT-TT/2018	Mở cửa hàng kinh doanh	215 m2	10 năm	Thanh toán 3 tháng/ 1 lần
Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội theo HĐ và PLHĐ số 01/HĐTTDVVP/NTN-VĐ	Mở cửa hàng kinh doanh	445 m2	10 năm	Thanh toán 3 tháng/ 1 lần
Phường Lê Chân, Thành phố Hải Phòng theo HĐ và PLHĐ số 35NĐC/HĐTMBKD	Mở cửa hàng kinh doanh	330 m2	5 năm	Thanh toán 3 tháng/ 1 lần
Phường Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội theo HĐ số 1506/MTTT-HĐKT	Mở cửa hàng kinh doanh	530,4 m2	40 năm	Thanh toán 3 tháng/ 1 lần
Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội theo HĐ số 04032025/HĐTN/A101_D5C	Mở cửa hàng kinh doanh	200 m2	10 năm	Thanh toán 3 tháng/ 1 lần
Phường Vĩnh Tuy, Thành phố Hà Nội theo Hợp đồng và Phụ lục Hợp đồng	Mở cửa hàng kinh doanh	202,53 m2	10 năm	Thanh toán 3 tháng/ 1 lần
Phường Bạch Mai, Thành phố Hà Nội theo HĐ số 18/2023/HĐTN/GB-ADC	Mở cửa hàng kinh doanh	276 m2	5 năm	Thanh toán 3 tháng/ 1 lần
Đường Nguyễn Trãi (129 Trần Phú), Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội theo HĐ và PLHĐ số 13.05/2024/HĐTMB/SD2-MT&TT	Mở cửa hàng kinh doanh	437 m2	5 năm	Thanh toán 3 tháng/ 1 lần

Vị trí thuê mặt bằng	Mục đích thuê	Diện tích (m2)	Thời hạn thuê	Phương thức thanh toán tiền thuê
Km số 10 đường Nguyễn Trãi, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội theo HĐ số 28/2017/HĐKT và PLHĐ số 1012/2025/PLHĐ	Mở cửa hàng kinh doanh	404 m2	8 năm	Thanh toán 3 tháng/ 1 lần
Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội theo Hợp đồng thuê nhà	Mở cửa hàng kinh doanh	212,5 m2	5 năm	Thanh toán 3 tháng/ 1 lần

b) Thông tin khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
	VND	VND
- Hàng hóa nhận ký gửi	22.040.047.623	20.036.337.169
	22.040.047.623	20.036.337.169

22. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng (Sách và các ấn phẩm khác)	113.461.183.969	104.561.102.495
Doanh thu bán thành phẩm (Xuất bản sách và tem chống giả)	10.532.353.379	15.680.214.275
Doanh thu dịch vụ (Thiết kế, biên tập, Chế bản sách,...)	5.633.480.694	3.227.264.365
Doanh thu khác	840.427.566	611.735.569
	130.467.445.608	124.080.316.704

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán (Sách và các ấn phẩm khác)	69.045.629.041	66.724.183.470
Giá vốn của thành phẩm đã bán (Xuất bản sách và tem chống giả)	5.973.544.219	7.469.305.619
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp (Thiết kế, biên tập, chế bản sách...)	2.170.944.720	3.106.497.496
Thuế GTGT không được khấu trừ	435.952.750	349.368.490
Giá vốn hoạt động khác	338.354.764	7.903.406
Các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán	(522.606.320)	-
- Hoàn nhập dự phòng	(522.606.320)	-
	77.441.819.174	77.657.258.481

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.600.216.829	1.319.492.491
Cổ tức, lợi nhuận được chia	66.000.000	90.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	103.598.240	-
Chiết khấu thanh toán được hưởng	349.357.652	464.950.373
	2.119.172.721	1.874.442.864

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chiết khấu thanh toán	189.095.650	97.776.570
	189.095.650	97.776.570
Trong đó: Chi phí tài chính của các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 35)	25.533.440	-

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân công	16.333.677.368	13.003.776.005
Chi phí khấu hao tài sản cố định	228.774.918	170.745.675
Thuế, phí và lệ phí	-	31.034.225
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.141.786.637	16.536.611.044
Chi phí khác bằng tiền	5.430.628.113	8.013.185.449
	43.134.867.036	37.755.352.398

27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí công cụ, dụng cụ	367.486.681	214.520.506
Chi phí nhân công	3.337.656.924	2.917.262.951
Chi phí khấu hao tài sản cố định	395.227.020	451.019.272
Chi phí dự phòng	634.417.825	399.410.583
Thuế, phí và lệ phí	-	3.090.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.078.402.574	1.062.844.819
Chi phí khác bằng tiền	1.339.507.235	1.508.022.938
	7.152.698.259	6.556.171.069
Trong đó: Chi phí mua của các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 35)	6.000.000	65.600.000

28. THU NHẬP KHÁC

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	10.828.600
Thu nhập khác	36.490.965	12.777.726
	36.490.965	23.606.326

29. CHI PHÍ KHÁC

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá trị còn lại và chi phí từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	462.638.986	47.331.578
Các khoản bị phạt	21.251.438	13.626.139
Chi phí khác	19.464.447	17.219.241
	503.354.871	78.176.958

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	4.201.274.304	3.833.630.418
Các khoản điều chỉnh tăng	322.537.885	304.833.699
- Chi phí không hợp lệ	149.937.885	164.433.699
- Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	172.600.000	140.400.000
Các khoản điều chỉnh giảm	(66.000.000)	(90.000.000)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(66.000.000)	(90.000.000)
Thu nhập chịu thuế TNDN	4.457.812.189	4.048.464.117
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	891.562.438	809.692.823
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	2.374.102.977	3.098.685.688
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(2.950.039.150)	(3.680.000.000)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	315.626.265	228.378.511

31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	3.309.711.866	3.023.937.595
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	3.309.711.866	3.023.937.595
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.977.936	3.977.936
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	832	760

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

32. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.941.558.105	3.341.674.766
Chi phí công in	9.158.167.372	-
Chi phí nhân công	28.338.992.281	20.104.759.118
Chi phí khấu hao tài sản cố định	846.063.052	1.061.259.751
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.055.246.342	17.635.849.589
Chi phí khác bằng tiền	6.779.777.864	11.625.868.224
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	522.606.320	399.410.583
Tăng/giảm Thành phẩm	(12.958.655.908)	-
Giá vốn hàng hóa	69.045.629.041	-
	127.729.384.469	54.168.822.031

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2026				
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.811.737.454	-	-	8.811.737.454
Phải thu khách hàng, phải thu khác	29.093.780.782	4.134.245.940	-	33.228.026.722
Các khoản cho vay	38.629.367.123	-	-	38.629.367.123
	37.905.518.236	4.134.245.940	-	42.039.764.176
Tại ngày 01/01/2026				
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.763.704.270	-	-	8.763.704.270
Phải thu khách hàng, phải thu khác	46.349.108.312	4.418.425.200	-	50.767.533.512
Các khoản cho vay	58.482.213.699	-	-	58.482.213.699
	55.112.812.582	4.418.425.200	-	59.531.237.782

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2026				
Phải trả người bán, phải trả khác	69.107.000.689	-	-	69.107.000.689
Chi phí phải trả	268.000.000	-	-	268.000.000
	69.375.000.689	-	-	69.375.000.689
Tại ngày 01/01/2026				
Phải trả người bán, phải trả khác	65.941.388.253	-	-	65.941.388.253
	65.941.388.253	-	-	65.941.388.253

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

34. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

35. NGHIỆP VỤ VÀ SỞ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể
Nhà xuất bản Giáo dục tại thành phố Hà Nội	Đơn vị trực thuộc Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể
Viện Nghiên cứu Sách và Học liệu Giáo dục	Đơn vị trực thuộc Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Trung	Công ty con Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học TP. Hồ Chí Minh	Công ty con Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Trường Phổ thông Công nghệ giáo dục	Công ty con Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể
Công ty Cổ phần Học liệu	Công ty con Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể
Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại TP. Hà Nội	Công ty liên kết Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể
Công ty Cổ phần Sách Dân tộc	Công ty liên kết Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Bắc	Công ty liên kết Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển giáo dục Phương Nam	Công ty liên kết Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển giáo dục Đà Nẵng	Công ty liên kết Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Định	Công ty liên kết Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Công ty liên kết Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Thuận	Công ty liên kết Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể
Công ty Cổ phần Sách thiết bị trường học Cần Thơ	Công ty liên kết Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể
Công ty Cổ phần Dịch vụ xuất bản giáo dục Đà Nẵng	Công ty liên kết Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể
Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	Công ty liên kết Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể
Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại TP. Hà Nội	Công ty liên kết Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Điện Biên	Công ty Nhà xuất bản giáo dục sở hữu trên 10% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Sách Đại học - Dạy nghề	Công ty Nhà xuất bản giáo dục sở hữu trên 10% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Bình Dương	Công ty liên kết của Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Miền Nam

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát.

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.168.746.406	3.443.364.098
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	103.611.000	90.509.500
Viện nghiên cứu Sách và Học liệu Giáo dục	5.000.000	5.000.000
Công ty Cổ phần Học liệu	3.400.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	2.599.665.400	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	22.785.000	23.400.000
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Định	20.675.167	52.691.430
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	2.960.102.544	3.142.283.853
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Thuận	(433.333)	-
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Cần Thơ	4.690.000	-
Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị trường học Điện Biên	10.183.163	8.237.715
Công ty Cổ phần Dịch vụ xuất bản giáo dục Đà Nẵng	-	7.500.000
Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	-	5.750.000

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học TP. Hồ Chí Minh	93.260.495	105.345.600
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Bình Dương	-	1.836.000
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Trung	3.862.370	-
Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại TP. Hà Nội	341.944.600	-
Nhà xuất bản Giáo dục tại thành phố Hà Nội	-	810.000
Mua hàng	6.047.894.142	6.249.640.606
Viện nghiên cứu Sách và Học liệu Giáo dục	2.273.400	-
Công ty Cổ phần Sách Dân tộc	6.428.160	-
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Bắc	36.277.080	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	149.316.600	166.132.800
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	2.111.801.036	2.165.438.436
Công ty Cổ phần Sách Đại Học - dạy nghề	24.658.200	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Trường Phổ thông Công nghệ giáo dục	-	167.458.295
Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại TP. Hà Nội	1.014.310.995	2.113.217.522
Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	-	11.388.000
Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại TP. Hà Nội	14.581.818	-
Nhà xuất bản Giáo dục tại thành phố Hà Nội	2.688.246.853	1.626.005.553
Chi phí tài chính	25.533.440	-
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Định	25.533.440	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.000.000	65.600.000
Nhà xuất bản Giáo dục tại thành phố Hà Nội	6.000.000	65.600.000

	Chức vụ	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền lương, thưởng của Người đại diện theo pháp luật và người quản lý khác			
- Phạm Văn Thắng	Tổng Giám đốc	455.144.079	454.298.020
- Thu nhập của người quản lý khác		1.563.984.201	1.225.414.867
		2.019.128.280	1.679.712.887

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

36. THÔNG TIN SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025. Thông tin trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là thông tin của Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025. Các thông tin này đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán, soát xét.

Như trình bày tại Thuyết minh 2.3, Công ty áp dụng phi hồi tố Thông tư 99/2025/TT-BTC từ ngày 01 tháng 01 năm 2026. Kết quả là việc trình bày một số khoản mục trong báo cáo tài chính thay đổi. Một số số liệu tại ngày 01 tháng 01 năm 2026 và cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 được phân loại lại để phù hợp với yêu cầu về trình bày báo cáo tài chính theo Thông tư 99. Chi tiết xem tại Phụ lục số 01.

Phê duyệt, ngày 14 tháng 08 năm 2026

Người lập

Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật



Hà Huy Tuấn



Nguyễn Văn Quyết



Phạm Văn Thắng

PHỤ LỤC - THÔNG TIN SO SÁNH

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025			Số liệu điều chỉnh theo Thông tư số 99/2025/TT- BTC			Thay đổi
Mã số	Khoản mục	Số tiền VND	Mã số	Khoản mục	Số tiền VND	
a/ Bảng Cân đối kế toán			a/ Báo cáo tình hình tài chính			
120 I.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	58.440.000.000	120 I.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	58.922.213.699	
123 1.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	58.000.000.000	123 1.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	58.482.213.699	Trình bày lại, đổi giá trị
130 II.	Các khoản phải thu ngắn hạn	47.264.951.194	130 II.	Các khoản phải thu ngắn hạn	46.782.737.495	
136 1.	Phải thu ngắn hạn khác	3.606.998.299	135 1.	Phải thu ngắn hạn khác	3.124.784.600	Đổi giá trị, đổi mã số
260 I.	Tài sản dài hạn khác	7.775.450.143	270 I.	Tài sản dài hạn khác	7.775.450.143	
			313 1.	Phải trả cổ tức, lợi nhuận	54.316.725	Trình bày lại

Các chỉ tiêu chi thay đổi mã số, tên gọi thì không trình bày chi tiết ở bảng trên.



HÃNG KIỂM TOÁN AASC

AASC TẠI HÀ NỘI - TRỤ SỞ CHÍNH

Tel: (84.24)3824 1990 | Fax: (84.24)3825 3973

Email: aasc@aasc.com.vn

Số 01 Lê Phụng Hiểu, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội, Việt Nam.

AASC TẠI TP HỒ CHÍ MINH

Tel: (84.28) 3945 0505 /0606 | Fax: (84.28)3945 1106

Email: aaschcm@aasc.com.vn

Tầng 03, Tòa nhà Galaxy 9, Số 9 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hội, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam.

AASC TẠI QUẢNG NINH

Tel: (84.2033) 627 571 | Fax: (84.2033)627 572

Email: aascqn@aasc.com.vn

Số 8 Chu Văn An, Phường Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.